

## I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

### 1. Kiến thức

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh về các đơn vị kiến thức:

- HS xác định đúng văn bản nghị luận, thơ thất ngôn bát cú/thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, thơ trào phúng.
- HS củng cố được kiến thức về từ tượng hình, từ tượng thanh, biện pháp đảo ngữ,...; từ, thành ngữ Hán Việt, các mô hình đoạn văn, ...
- HS vận dụng viết bài văn phân tích tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt Đường luật/ bài thơ trào phúng), viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng của học sinh)

### 2. Năng lực

- Năng lực chung: năng lực tư duy, năng lực cảm thụ, năng lực giải quyết vấn đề, ...
- Năng lực chuyên biệt: năng lực hiểu chính xác nội dung từ, xác định được giá trị, tác dụng của các biện pháp tu từ trong việc bộc lộ nội dung văn bản, năng lực sử dụng tiếng Việt trong việc viết đúng câu, dùng từ đúng nghĩa và diễn đạt nội dung mạch lạc...; năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại

### 3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.
- Học bài và làm bài thi nghiêm túc.

## II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	20%	15%	5%	40%
		Thơ trào phúng				
2	Viết	Viết đoạn văn phân tích tác phẩm văn học (thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật; thơ trào phúng)	5%	5%	10%	20%
		Viết bài văn nghị luận về đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)	10%	10%	20%	40%
Tỉ lệ %			35%	30%	35%	100%
Tổng			100%			

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	<b>Văn bản nghị luận</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định kiểu văn bản.</li> <li>- Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.</li> <li>- Xác định được một số yếu tố Hán Việt.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.</li> <li>- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.</li> <li>- Giải thích nghĩa của từ Hán Việt</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.</li> <li>- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.</li> </ul>	2 TL	1 TL	1 TL
		<b>Thơ trào phúng</b>	<p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, đối ngẫu, bố cục.</li> <li>- Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệu, nhịp điệu trong bài thơ</li> <li>- Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.</li> <li>- Nhận biết từ tượng hình, tượng thanh, các biện pháp tu từ</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.</li> <li>- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.</li> <li>- Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, biện pháp tu từ</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.</p>			

2	Viết	Viết đoạn văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt Đường luật/thơ trào phúng)	<b>Nhận biết:</b> <b>Thông hiểu:</b> <b>Vận dụng:</b> Viết được đoạn văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.			1 TL
		Viết bài văn nghị luận về đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)	<b>Nhận biết:</b> <b>Thông hiểu:</b> <b>Vận dụng:</b> Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.			1 TL
<b>Tổng</b>				2 TL	1 TL	3 TL
<b>Tỉ lệ %</b>				35%	30%	35%
<b>Tỉ lệ chung</b>				65%		35%

**Ban Giám hiệu**

**Tổ chuyên môn**

**Nhóm chuyên môn**

**Phạm Thị Thanh Bình**

**Trần Thu Thủy**

**Lê Hà Vy**

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Trẫm nghĩ, việc chọn người hiền là rất đúng lí. Chọn được người hiền là do sự tiến cử. Cho nên, khi đã được nước rồi, việc đó là việc đầu tiên. Thời cổ, ở nơi triều đình, người hiền vái nhường chen vai nhau đầy dãy. Vì thế, ở dưới, không có người bị sót, ở trên ko có người bị quên. Có thể, việc chính trị mới được hoà vui. Xét như các đời Hán, Đường, bọn bày tôi đều tôn nhường, tiến cử người hiền: Tiêu Hà tiến Tào Nham, Ngụy Vô Tri tiến Trần Bình, Địch nhân kiên tiến cử Truong Cửu Linh, Tiêu Tung tiến Hàn Hưu. Tuy rằng tài có cao thấp, không giống nhau, nhưng cũng được dùng đúng việc, đúng chỗ.*

*Nay trẫm giữa trách nhiệm lớn, ngày đêm sợ hãi y như đi trên vực sâu, chính là vì chưa được người hiền ra giúp việc trị nước [...] Xét ở đời, không hiếm người có tài, mà phép cầu tài thì không hiếm. Hoặc có người đủ tài kinh luân, ở hàng quan lại thấp kém, không được ai cất nhắc, hoặc có bực hào kiệt, ở trong nơi thảo莽 lẫn với bọn sĩ tốt, vì thiếu người đề đạt, trẫm làm sao mà biết rõ được. Vậy từ nay, bực quân tử nào muốn cùng trẫm coi việc, ai nấy tự tiến cử. [...]*

*Tờ chiếu này ban ra, phàm đang ở hàng quan lại, đều gắng sức là phần việc của mình, mà cố tiến cử đề đạt. Còn như kẻ chốn nơi thôn dã, đừng lấy việc tự tiến cử làm xấu hổ, mà trẫm thành mang tiếng để xót nhân tài.*

(Nguyễn Trãi, trích *Chiếu cầu hiền tài*, trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Văn hoá thông tin, 1970)

**Câu 1:** Xác định kiểu văn bản và nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 2:** Chỉ ra ít nhất 02 từ Hán Việt và giải nghĩa của 01 từ Hán Việt trong số các từ vừa tìm được trong văn bản trên.

**Câu 3:** Xác định và nêu tác dụng bằng chứng được tác giả sử dụng trong phần in đậm.

**Câu 4:** Qua văn bản trên, em sẽ làm gì để trở thành một người hiền tài, góp phần xây dựng quê hương, đất nước? (Nêu ít nhất 02 hành động cụ thể).

**II. VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1:** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

**BÁNH TRÔI NƯỚC**

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

(Hồ Xuân Hương, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III,

NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

**Câu 2:** Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với quê hương, đất nước.

TRƯỜNG THCS GIA QUÁT  
NĂM HỌC 2024-2025  
MÃ ĐỀ: NV801

HƯỚNG DẪN CHẤM  
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I  
Môn: Ngữ văn 8

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>	<b>ĐỌC HIỂU</b>		<b>4,0</b>
	<b>1</b>	- Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận. - Nội dung chính: Vua kêu gọi, tìm kiếm những người hiền tài cho đất nước.	0,5 0,5
	<b>2</b>	- HS chỉ ra ít nhất 02 từ Hán Việt. (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.) Gợi ý: <i>triều đình, hào kiệt, quân tử, nhân tài....</i>	0,5
		- HS giải nghĩa 01 từ Hán Việt trong số các từ tìm được. (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.) Gợi ý: + <i>Triều đình</i> : cơ quan chính quyền, nơi cư trú và làm việc của các vua quan của một vương triều. + <i>Hào kiệt</i> : người có tài năng, chí khí hơn hẳn người bình thường. + <i>Quân tử</i> : người có nhân cách cao thượng. + <i>Nhân tài</i> : người tài giỏi. + ....	0,5
	<b>3</b>	- Bằng chứng: <i>Xét như các đời Hán, Đường, bọn bầy tôi đều tôn nhường, tiến cử người hiền: Tiêu Hà tiến Tào Nham, Ngụy Vô Tri tiến Trần Bình, Dịch nhân kiên tiến cử Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến Hàn Hưu.</i>	0,5
		- Tác dụng: + Tăng sức thuyết phục cho bài viết.	0,25
		+ Góp phần làm sáng tỏ lí lẽ: “ <i>Chọn được người hiền là do sự tiến cử</i> ” + Thể hiện sự am hiểu của người viết (Nguyễn Trãi) đối với vấn đề bàn luận	0,5 0,25
	<b>4</b>	HS nêu ít nhất 02 hành động cụ thể. Mỗi ý đúng 0,25 điểm. Gợi ý: - <i>Học tập, trau dồi tri thức.</i> - <i>Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, phẩm chất.</i> ....	0,5
<b>II</b>	<b>VIẾT</b>		<b>6,0</b>
	<b>1</b>	<b>Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Bánh trôi nước”</b>	2,0
		<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của đoạn văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Bánh trôi nước”.	0,25
		<b>c. Viết được đoạn văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của đoạn văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: <b>1. Mở đoạn:</b> Giới thiệu và nêu ấn tượng chung về bài thơ. <b>2. Thân đoạn:</b> - Nội dung: + Hình ảnh bánh trôi nước + Hình ảnh người phụ nữ - Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn ngữ bình dị, sử dụng các biện pháp tu từ...	1,0

		<b>3. Kết đoạn:</b> Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. <b>HS có thể phân tích kết hợp nội dung và nghệ thuật.</b>	
		<b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	<b>2</b>	<b>Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với quê hương, đất nước.</b>	4,0
		<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.	0,25
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Trách nhiệm của học sinh với quê hương, đất nước.	0,5
		<b>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: <b>1. Mở bài:</b> Nêu vấn đề nghị luận. <b>2. Thân bài:</b> + Giải thích được trách nhiệm của học sinh đối với quê hương + Lí giải được sự cần thiết của lối sống trách nhiệm đối với quê hương của mỗi học sinh + Biểu hiện của lối sống trách nhiệm đối với quê hương trong học sinh hiện nay (tích cực và tiêu cực) + Cách rèn luyện và thể hiện lối sống trách nhiệm với quê hương của học sinh + Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân. <b>3. Kết bài:</b> Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.	2,5
		<b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
<b>Tổng điểm</b>			<b>10,0</b>

**Ban Giám hiệu**

**TM Tổ chuyên môn**

**Nhóm chuyên môn**

**Phạm Thị Thanh Bình**

**Trần Thu Thủy**

**Lê Hà Vy**

## I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. Phải đâu các vua thời Tam Đại theo ý riêng mình mà tự chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi. Cho nên vẫn nước lâu dài, phong tục phồn thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng mình, khinh thường mệnh trời, không noi theo dấu cũ của Thương, Chu, cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho nhiều triều đại không được bền lâu, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trăm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi.*

*Hướng gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.*

(Lí Công Uân, trích *Chiếu dời đô*, trong *Thơ văn Lí – Trần*, tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977)

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1:** Xác định kiểu văn bản và nội dung chính của văn bản trên.

**Câu 2:** Chỉ ra ít nhất 02 từ Hán Việt và giải nghĩa của 01 từ Hán Việt trong số các từ vừa tìm được trong văn bản trên.

**Câu 3:** Xác định và nêu tác dụng bằng chứng được tác giả sử dụng trong phần in đậm.

**Câu 4:** Qua văn bản trên, em sẽ làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh hiện nay? (Nêu ít nhất 02 hành động cụ thể).

## II. VIẾT (6,0 điểm)

**Câu 1:** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

### MỜI TRÀU

*Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi  
Này của Xuân Hương mới quệt rồi  
Có phải duyên nhau thì thăm lại  
Đừng xanh như lá, bạc như vôi*

(Hồ Xuân Hương, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

**Câu 2:** Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với quê hương.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	<b>1</b>	- Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận. - Nội dung chính: Vua thông báo về sự kiện dời đô.	0,5 0,5
	<b>2</b>	- HS chỉ ra ít nhất 02 từ Hán Việt. (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.) Gợi ý: trung tâm, đô thành, kinh đô, đế vương... - HS giải nghĩa 01 trong số các từ Hán Việt. (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.) Gợi ý: + Trung tâm: ở vị trí chính giữa. + Kinh đô; đô thành: chỉ nơi trung tâm kinh tế, văn hoá, chính trị của một đất nước. + Đế vương: vua của một đất nước lớn. + ....	0,5 0,5
	<b>3</b>	- Bằng chứng: Xưa nhà Thương đến vua Bàn Canh năm lần dời đô; nhà Chu đến vua Thành Vương cũng ba lần dời đô. - Tác dụng: + Tăng sức thuyết phục cho bài viết. + Góp phần làm sáng tỏ lí lẽ: “Chỉ vì muốn đóng đô ở trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi.” + Thể hiện sự am hiểu của người viết (Lí Công Uẩn) đối với vấn đề bàn luận	0,5 0,5 0,5
	<b>4</b>	HS nêu ít nhất 02 hành động cụ thể. Mỗi ý đúng 0,25 điểm. Gợi ý: - Học tập, trau dồi tri thức. - Rèn luyện phẩm chất, đạo đức. - Lưu giữ và bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc - Tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá của các quốc gia phát triển ....	0,5
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	<b>Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Mời trâu”</b>	2,0
		<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của đoạn văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Mời trâu”	0,25

	<p><b>c. Viết được đoạn văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b>  Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của đoạn văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:  <b>1. Mở đoạn:</b> Giới thiệu và nêu ấn tượng chung về bài thơ.  <b>2. Thân đoạn:</b>  - Nội dung:  + Hình ảnh miếng trầu  + Nỗi lòng, tâm trạng của nhân vật trữ tình  - Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn ngữ bình dị, sử dụng các biện pháp tu từ...  <b>3. Kết đoạn:</b> Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn văn.  <b>HS có thể phân tích kết hợp nội dung và nghệ thuật.</b></p>	1,0
	<b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	<b>Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với quê hương.</b>	4,0
	<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.	0,25
	<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Trách nhiệm của học sinh với quê hương.	0,5
	<p><b>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b>  Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:  <b>1. Mở bài:</b> Nêu vấn đề nghị luận.  <b>2. Thân bài:</b>  + Giải thích được trách nhiệm của học sinh đối với quê hương  + Lí giải được sự cần thiết của lối sống trách nhiệm đối với quê hương của mỗi học sinh  + Biểu hiện của lối sống trách nhiệm đối với quê hương trong học sinh hiện nay (tích cực và tiêu cực)  + Cách rèn luyện và thể hiện lối sống trách nhiệm với quê hương của học sinh  + Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân.  <b>3. Kết bài:</b> Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.</p>	2,5
	<b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

Ban Giám hiệu

TM Tổ chuyên môn

Nhóm chuyên môn

Phạm Thị Thanh Bình

Trần Thu Thủy

Lê Hà Vy

TRƯỜNG THCS GIA QUÁT  
Năm học 2024 – 2025

ĐỀ DỰ PHÒNG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I  
Môn: Ngữ văn 8

Ngày thi: 26/12/2024

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau:

**HỘI TÂY <sup>(1)</sup>**

Kìa hội thăng bình <sup>(2)</sup> tiếng pháo reo:  
Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.  
Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,  
Thằng bé lom khom ghé hát chèo.  
Cây sức cây đu nhiều chị nhún,  
Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.  
Khen ai khéo vẽ trò vui thế,  
Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!

(Nguyễn Khuyến <sup>(3)</sup>, nguồn: Thơ văn Nguyễn Khuyến,  
NXB Văn học, 1971 tái bản 1979)

**\* Chú thích:**

(1) Hội Tây: Ngày kỉ niệm cách mạng tư sản Pháp thắng lợi. Hội Pháp thuộc.

(2) Hội thăng bình: hội mừng được thái bình, vui vẻ. ở đây ý nói hội mừng cách mạng tư sản Pháp thành công 14-7-1789. Có ý kiến lại cho rằng Thăng Bình ở đây là địa danh thuộc tỉnh Quảng Nam, nay là huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Nguyễn Khuyến làm bài thơ này trong thời gian làm Bộ chánh Quảng Nam.

(3) Nguyễn Khuyến (1835 – 1909): quê ở Yên Đổ, Bình Lục, Hà Nam. Ông đỗ đầu cả ba kì thi (thi Hương, thi Hội, thi Đình) nên thường được gọi là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến làm quan khoảng mười năm, nhưng đến khi thực dân Pháp đánh chiếm xong Bắc Bộ, ông cáo quan về ở ẩn.

Thơ Nguyễn Khuyến thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế. Đặc biệt, Nguyễn Khuyến đã đưa cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê vào trong thơ một cách tự nhiên, tinh tế. Ngôi bút tả cảnh của ông vừa chân thực vừa tài hoa; ngôn ngữ thơ giản dị mà điêu luyện.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1:** Xác định thể thơ và cách gieo vần của bài thơ trên.

**Câu 2:** Ghi lại 04 từ ngữ chỉ hoạt động của con người trong bài thơ trên.

**Câu 3:** Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong hai câu thơ:  
“Cây sức cây đu nhiều chị nhún,/ Tham tiền cột mỡ lắm anh leo.”

**Câu 4:** Chữ “nhục” ở câu thơ cuối cùng đã thể hiện tình yêu đất nước thâm kín nhưng sâu sắc của nhân vật trữ tình. Qua bài thơ, em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu quê hương, đất nước của mình? (Nêu ít nhất 02 việc làm cụ thể).

**II. VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1:** Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Hội Tây”.

**Câu 2:** Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	<b>1</b>	- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. - Cách gieo vần: vần bằng (vần “eo”)	0,5 0,5
	<b>2</b>	- Những từ ngữ chỉ hoạt động: <i>xem, bơi, nghe, hát, nhún, leo.</i> <i>HS nêu 04 từ chỉ hoạt động. Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.</i>	1,0
	<b>3</b>	- Biện pháp tu từ: Đảo ngữ (Từ “ <i>Cây sứt</i> ”, “ <i>Tham tiền</i> ” được đảo lên đầu câu thơ) - Hiệu quả nghệ thuật: + Tạo kết cấu độc đáo cho những câu thơ. + Nhấn mạnh những hoạt động của những trò chơi nhỏ nhắn trong hội Tây. + Gọi thái độ mỉa mai, châm biếm, sự tha hóa, nhỏ nhắn của xã hội phong kiến đương thời...	0,5 0,25 0,5 0,25
	<b>4</b>	<i>HS nêu ít nhất 02 hành động cụ thể. Mỗi ý đúng 0,25 điểm.</i> Gợi ý: - <i>Học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và phát triển quê hương, đất nước.</i> - <i>Giới thiệu, quảng bá những nét đẹp của thiên nhiên quê hương, đất nước.</i> ...	0,5
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>6,0</b>
	<b>1</b>	<b>Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Hội Tây”.</b>	2,0
		<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của đoạn văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn.	0,25
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Hội Tây”.	0,25
		<b>c. Viết được đoạn văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của đoạn văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: <b>1. Mở đoạn:</b> Giới thiệu và nêu ấn tượng chung về bài thơ. <b>2. Thân đoạn:</b> - Nội dung: + Hiện thực đất nước đầy rối ren, nhỏ nhắn trong thời kì thực dân Pháp đô hộ. + Thái độ châm biếm, mỉa mai của tác giả trước những trò chơi lố bịch; thể hiện nỗi buồn thâm kín, xót xa, đau đớn trước tình cảnh đất nước đương thời. - Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn bát cú, các biện pháp tu từ, nghệ thuật trào phúng... <b>3. Kết đoạn:</b> Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn văn. <i>HS có thể phân tích kết hợp nội dung và nghệ thuật.</i>	1,0
		<b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	<b>2</b>	<b>Viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của học sinh với việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.</b>	4,0
		<b>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</b> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.	0,25
		<b>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</b> Học sinh với việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc	0,5

	<p><b>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p>	2,5
	<p><b>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</b></p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p><b>1. Mở bài:</b> Nêu vấn đề nghị luận.</p> <p><b>2. Thân bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thích được khái niệm giá trị văn hoá dân tộc.</li> <li>+ Lí giải được sự cần thiết của việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc.</li> <li>+ Biểu hiện của lối sống trách nhiệm giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc. (tích cực và tiêu cực)</li> <li>+ Cách rèn luyện và thể hiện lối sống trách nhiệm với việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá dân tộc của học sinh.</li> <li>+ Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân.</li> </ul> <p><b>3. Kết bài:</b> Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.</p>	
	<p><b>d. Chính tả, ngữ pháp:</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><b>e. Sáng tạo:</b> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

**Ban Giám hiệu**

**TM Tổ chuyên môn**

**Nhóm chuyên môn**

**Phạm Thị Thanh Bình**

**Trần Thu Thủy**

**Lê Hà Vy**